

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2023/QĐST-DS

M, ngày 28 tháng 9 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

+ Bà **Mai Thị S** - Sinh năm: 1957;

+ Anh **Huỳnh Văn D** - Sinh năm: 1980;

+ Chị **Huỳnh Thị Kim T** - Sinh năm: 1982;

+ Anh **Huỳnh Văn C** - Sinh năm: 1977;

+ Chị **Thạch Thị H** - Sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Văn C, chị Thạch Thị H: Bà **Mai Thị S** - Sinh năm: 1957; địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

** Bị đơn:*

+ Ông **Lê Văn R** - Sinh năm: 1953;

+ Bà **Lê Thị G** - Sinh năm: 1954;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

+ Anh **Lê Hữu N** - Sinh năm: 1984;

+ Anh **Lê Minh T1** - Sinh năm: 1995;

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị **Lê Thị T2** - Sinh năm: 1979;

+ Chị **Lê Thị H1** - Sinh năm: 1985;

+ Anh **Lê Thanh N1** - Sinh năm: 1987;

+ Chị **Nguyễn Thị P** - Sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Thanh N1, chị Nguyễn Thị P, Lê Thị T2:

+ Anh **Lê Hữu N** - Sinh năm: 1984;

+ Anh **Lê Minh T1** - Sinh năm: 1995;

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Hộ ông Lê Văn R, bà Lê Thị G, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị H1, anh Lê Thanh N1, chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ giao trả lại cho hộ bà Mai Thị S, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn D, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Thạch Thị Hoàng p đất thuộc thửa 30-2 có diện tích 22,2m² và thửa 26-2 có diện tích 7,6m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (có Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện M kèm theo).

Hộ ông Lê Văn R, bà Lê Thị G, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị H1, anh Lê Thanh N1, chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ di dời, đôn bỏ các cây đã trồng trên đất để giao

trả phần đất nêu trên cho hộ bà Mai Thị S, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn D, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Thạch Thị H.

2.2) Về xử lý tiền chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản:

2.2.1. Hộ bà Mai Thị S, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn D, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Thạch Thị Hoàng n chịu 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng) tiền chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản, số tiền này bà Mai Thị S đã nộp đủ;

2.2.2. Hộ ông Lê Văn R, bà Lê Thị G, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị H1, anh Lê Thanh N1, chị Nguyễn Thị P nhận chịu 5.718.000VNĐ (năm triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng) tiền chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản. Do bà Mai Thị S đã nộp đủ 10.718.000VNĐ (mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng) tiền chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản nên hộ ông Lê Văn R, bà Lê Thị G, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị H1, anh Lê Thanh N1, chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ giao lại cho bà Mai Thị S số tiền là 5.718.000VNĐ (năm triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

2.3) Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1. Hoàn trả lại cho anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn D, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Thạch Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 389.000VNĐ (ba trăm tám mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002533 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc;

2.4.2. Ông Lê Văn R, bà Lê Thị G, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị H1, anh Lê Thanh N1, chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới nộp 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên